

Chọn 1 câu đúng:

Tình huống lâm sàng cho câu 1-2:

Bệnh nhân nữ, 55 tuổi, xơ gan do viêm gan C, đang uống lactulose, nhập viện vì sốt và lú lẫn. Khám: mạch 92 lần/phút, huyết áp 92/60 mmHg, tần số thở 20 lần/phút, lượng nước tiểu giảm, không sốt, phù chân, báng bụng (3+), không điểm đau.  $\text{Na}^+$  máu 127 mEq/L, creatinine máu 2,4 mg/dl (giá trị nền 1,2 mg/dl), bạch cầu máu 12000/mm<sup>3</sup>, Hct 30%, tiểu cầu 90000/mm<sup>3</sup>, bilirubin toàn phần/máu 4 mg/dl, albumin máu 2 g/dl,  $\text{Na}^+$  niệu <10 mEq/L, tổng phân tích nước tiểu có hồng cầu và trụ trong.

1. Nguyên nhân gây tổn thương thận cấp?

A. Xuất huyết tiêu hóa

B. Nhiễm trùng tiểu

C. Viêm phổi

D. Viêm phúc mạc nhiễm khuẩn nguyên phát

E. Hội chứng gan thận

2. Ngoài xét nghiệm thường qui, để xác định nguyên nhân gây tổn thương thận cấp cần thực hiện xét nghiệm gì?

A. Nội soi thực quản dạ dày tá tràng

B. Cây nước tiểu

C. Chụp X quang ngực thẳng

D. Chọc dịch báng đếm bạch cầu trung tính

E. Creatinine máu kiểm tra sau 48 giờ

3. Bệnh nhân nam, 45 tuổi, hai ngày đau khắp bụng, nôn mửa, buồn ngủ và lú lẫn. Tiền căn nghiện rượu và sử dụng ma túy đường tiêm, đang điều trị báng bụng. Lúc nhập viện mạch 110 lần/phút, HA 85/50 mmHg, thở 32 lần/phút, thân nhiệt 39<sup>o</sup>5, vàng da, vú to, tuần hoàn bàng hệ cửa chủ vùng rốn, báng bụng (3+). Bilirubin toàn phần/ máu 4,2 mg/dl, albumin máu 2,5 g/dl; PT 17" (chứng 12"). Kháng sinh nào được chọn trong điều trị ban đầu cho người bệnh?

A. Norfloxacin

B. Augmentin

C. Ceftriaxone

D. Imepenem

E. Vancomycin

4. Bệnh nhân nữ, 55 tuổi, xơ gan do viêm gan virus C, bị sốt và lú lẫn. Phù chân, báng bụng (3+), bilirubin toàn phần máu 4 mg/dl, albumin máu 2 g/dl, PT 15" (chứng 12"). Đánh giá mức độ nặng của xơ gan theo tiêu chuẩn Child-Pugh-Turcotte, điểm số của người bệnh này bao nhiêu?

A. 9

B. 10

C. 11

D. 12

E. 13

5. Bệnh nhân nam, 56 tuổi, xơ gan Child B do rượu, nhập viện vì nôn ra máu, nội soi gan tĩnh mạch thực quản độ 2, có cục máu đông. Ba ngày sau nhập viện tiêu phân vàng. Thuốc nào sau đây được chọn để phòng ngừa xuất huyết do giãn tĩnh mạch tái phát?

A. Isosorbide dinitrate

B. Nadolol

C. Carvediol

D. Pindolol

E. Labetalol

6. Bệnh nhân nam 25 tuổi, tiêu phân lẫn ít máu đỏ 4 lần/ngày, được chẩn đoán viêm loét đại tràng thể nhẹ-trung bình, điều trị 2 tuần tiêu phân vàng 2-3 lần/ngày. 5 tháng sau, tiêu phân lẫn ít máu đỏ 3 lần/ngày, điều trị 2 tuần tiêu phân vàng 2 lần/ngày. 6 tháng sau, tiêu phân lẫn ít máu đỏ 4 lần/ngày, điều trị 2 tuần tiêu phân vàng 2-3 lần/ngày. Bệnh nhân này thuộc nhóm nào sau đây?

A. Tái phát sớm

B. Tái phát không thường xuyên

C. Tái phát thường xuyên

D. Tái phát liên tục

E. Tái phát không liên tục

7. Bệnh nhân nữ, 29 tuổi, nhập viện vì tiêu chảy. 3 tháng nay, đau ½ bụng phải âm ỉ, tiêu chảy phân nhầy 50-100 ml/lần X 2-3 lần/ngày, đôi khi đi tiêu ban đêm, trong 3 tháng qua có 1 lần tiêu chảy có ít máu đỏ, sụt cân 2 kg. Nội soi đại tràng: viêm niêm mạc vùng hồi manh tràng. Bệnh nhân được chẩn đoán: Viêm đại tràng do lao. Biến chứng nào sau đây không gặp trên bệnh nhân này?

A. Dò ruột

B. Tắc ruột



✱

- C. Thủng ruột  
D. Lao màng bụng
8. Bệnh nhân nam, 56 tuổi, biết bị xơ gan do viêm gan C, kỳ này nhập viện vì tiêu phân đen. Khám lúc nhập viện: niêm hồng nhạt; bụng báng (3+); bạch cầu máu  $15.530/\text{mm}^3$ ; BUN 21 mg/dl. Sau nhập viện 1 ngày, kết quả dịch màng bụng: protein 0,9 g/dl; albumin 0,4 g/dl; tế bào  $5990/\text{mm}^3$ ; đa nhân trung tính: 77%. Vì sao lúc nhập viện bệnh nhân này có chỉ định sử dụng kháng sinh?
- A. Xuất huyết tiêu hóa  
B. Bạch cầu máu  $15.530/\text{mm}^3$   
C. BUN 21 mg/dl  
D. Protein dịch màng bụng  $<1 \text{ g/dl}$   
E. Đa nhân trung tính dịch màng bụng  $>250/\text{mm}^3$
9. Bệnh nhân nam, 56 tuổi, xơ gan Child B do rượu, nhập viện vì nôn ra máu. Khám: vàng da, báng bụng độ 2. Khi tình trạng xuất huyết ổn định, có chỉ định điều trị báng bụng, trị liệu nào sau đây được chọn để điều trị báng bụng?
- A. Thuốc chẹn beta, natri và lợi tiểu  
B. Bù dịch, thuốc chẹn beta và kháng sinh  
C. Lợi tiểu, thuốc chẹn beta và kháng sinh  
D. Kiêng rượu, hạn chế natri và lợi tiểu  
E. Chọc tháo dịch báng
10. Trường hợp nào sau đây không cần "tầm soát và diệt trừ" *H. pylori*:
- A. Loét dạ dày-tá tràng  
B. Khó tiêu không do loét  
C. Hậu phẫu ung thư dạ dày giai đoạn sớm  
D. U MALT  
E. Tiền căn gia đình bị ung thư đại tràng
11. Trong các kháng sinh dùng điều trị nhiễm *H. pylori*, kháng sinh nào dễ bị phá hủy nhất trong môi trường axit dạ dày.
- A. Amoxicillin  
B. Clarithromycin  
C. Metronidazole  
D. Tetracyclin  
E. Levofloxacin
12. Phác đồ nào thường bị thất bại trong điều trị diệt trừ *H. pylori* ở nước ta hiện nay:
- A. Phác đồ 4 thuốc có bismuth  
B. Bộ kit diệt *H. pylori*  
C. Phác đồ nối tiếp  
D. Phác đồ PPI+Levofloxacin+Amoxicillin  
E. Phác đồ dựa theo kết quả kháng sinh đồ
13. Phác đồ nào được đề nghị khi điều trị diệt trừ *H. pylori* bị thất bại hơn 2 lần:
- A. Phác đồ 4 thuốc có bismuth  
B. Bộ kit diệt *H. pylori*  
C. Phác đồ nối tiếp  
D. Phác đồ PPI+Levofloxacin+Amoxicillin  
E. Phác đồ dựa theo kết quả kháng sinh đồ
14. Chỉ định nào là chỉ định bắt buộc phải "tầm soát và diệt trừ" *H. pylori*:
- A. Bệnh trào ngược dạ dày thực quản ~~can chiu PPI~~  
B. Viêm dạ dày mạn teo  
C. Khó tiêu không do loét  
D. Cần sử dụng thuốc kháng viêm không steroid ~~không cần~~  
E. Bệnh nhân yêu cầu
15. Phác đồ nào được Hội Khoa học Tiêu hóa Việt Nam khuyến cáo sử dụng ở miền Nam:
- A. Phác đồ PPI+Clarithromycin+Metronidazole  
B. Phác đồ 4 thuốc có bismuth  
C. Phác đồ nối tiếp  
D. A và B  
E. B và C
16. Bệnh nào sau đây có liên quan trực tiếp đến nhiễm *H. pylori*
- A. Bệnh trào ngược dạ dày thực quản  
B. Viêm dạ dày mạn teo  
C. Loét tá tràng  
D. A và C đúng  
E. B và C đúng
17. Bệnh nào sau đây chưa đủ bằng chứng về mối liên quan đến nhiễm *H. pylori*:
- A. Viêm dạ dày mạn teo  
B. Khó tiêu không do loét  
C. Xuất huyết giảm tiểu cầu miễn dịch  
D. Thiếu máu thiếu sắt chưa rõ nguyên nhân  
E. Nhồi máu cơ tim
18. Các lý do nào sau đây có liên quan đến sự thất bại trong điều trị diệt trừ *H. pylori*:
- A. Bệnh nhân không tuân thủ điều trị  
B. Sử dụng kháng sinh chưa đúng cách  
C. Đề kháng kháng sinh  
D. Ước chế toan chưa tốt  
E. Tất cả các lý do trên
19. Đặc điểm nào sau đây không phù hợp với chẩn đoán bệnh Wilson:
- A. Tiền căn gia đình có anh chị em cũng bị tương tự  
B. Bệnh có thể biểu hiện ở gan và thần kinh  
C. Khám mắt có thể phát hiện vòng Kayser-Fleischer



- D. Ceruloplasmin máu tăng giảm ( $< 20-40$ )  
 E. Đồng trong nước tiểu 24 giờ tăng
20. Đặc điểm nào sau đây không phù hợp với chẩn đoán bệnh ứ sắt mô (Hemochromatosis):  
 A. Bệnh di truyền do không thải được sắt qua mật  $\rightarrow$  tăng hấp thu Fe ở R  
 B. Biểu hiện tổn thương đa cơ quan: gan, tim, da, tụy...  
 C. Quá tải sắt được biểu hiện bằng sự tăng sắt huyết thanh, tăng Ferritin và tăng độ bão hòa Transferrin trong máu  
 D. Khi nhuộm Perls sẽ phát hiện các sắc tố hemosiderin màu xanh hiện diện lan toả trong tế bào gan  
 E. Cần hạn chế các thức ăn giàu chất sắt như thịt bò, gan, huyết...
21. Phát biểu nào sau đây không phù hợp với bệnh viêm gan thoái hóa mỡ không do rượu (NASH):  
 A. Bệnh thường gặp ở người béo phì, đái tháo đường, rối loạn mỡ máu...  
 B. Men ALT tăng cao hơn AST, kèm theo tăng GGT  $ALT$   
 C. Bệnh lành tính, không tiến triển thành xơ gan và ung thư gan  
 D. Sinh thiết gan là tiêu chuẩn vàng để chẩn đoán  
 E. Điều trị chủ yếu là điều trị nguyên nhân
22. Bệnh viêm gan virus nào lây lan qua đường máu:  
 A. Viêm gan virus A  
 B. Viêm gan virus B  
 C. Viêm gan virus C  
 D. A và B đúng  
 E. B và C đúng
23. Phát biểu nào sau đây không phù hợp:  
 A. Viêm gan có thể được phát hiện tình cờ khi thử máu có tăng men gan  
 B. Bệnh cảnh lâm sàng giúp gợi ý đến nguyên nhân  
 C. Triệu chứng viêm gan điển hình chỉ xảy ra ở 25% trường hợp  
 D. Khi biểu hiện viêm gan kéo dài hơn 6 tháng gọi là viêm gan mạn  
 E. Viêm gan virus B bùng phát đều có thể xảy ra ở giai đoạn cấp hoặc mạn
24. Bệnh viêm gan virus B không lây lan qua đường nào:  
 A. Truyền máu  
 B. Tiêm chích ma túy  
 C. Quan hệ tình dục  
 D. Mẹ lây sang con trong lúc sinh  
 E. Nguồn nước bị nhiễm  $R > 2$   
 $O/P$
25. Trong bệnh gan do rượu, phát biểu nào sau đây không phù hợp:  
 A. Bệnh gan đa dạng, có thể tiến triển từ gan thoái hóa mỡ, viêm gan mạn, xơ gan và ung thư gan  $P$   
 B. Men ALT thường tăng gấp 2 lần AST, kèm GGT tăng  $O/P > 2$   
 C. Tiêu thụ  $> 80g$  cồn/ngày trong thời gian  $> 10$  năm  
 D. Sinh thiết gan khó nhận biết nguyên nhân, ngoại trừ ghi nhận sự hiện diện của các thể Mallory  
 E. Việc điều trị chủ yếu là cai rượu và điều trị nâng đỡ  $O/P$   
 $\frac{AST}{ALT} \geq 2$
26. Men ALT tăng gấp 5 lần giá trị bình thường không gặp trong trường hợp nào sau đây:  
 A. Viêm gan virus B cấp hoặc đợt cấp  
 B. Choáng tim  
 C. Viêm gan do thuốc  
 D. Gan nhiễm mỡ không do rượu  
 E. Viêm gan do độc chất
27. Giá trị bình thường của ALT theo khuyến cáo mới của Hiệp hội Gan Hoa kỳ là:  
 A. Nam  $< 25$  U/L, nữ  $< 20$  U/L  
 B. Nam  $< 35$  U/L, nữ  $< 19$  U/L ( $25$ )  
 C. Nam  $< 45$  U/L, nữ  $< 40$  U/L  
 D. Nam  $< 50$  U/L, nữ  $< 45$  U/L  
 E. Nam  $< 60$  U/L, nữ  $< 50$  U/L
28. Gan nhiễm mỡ không do rượu có thể do các nguyên nhân nào sau đây:  $NASH$   
 A. Đái tháo đường  
 B. Béo phì  
 C. Rối loạn lipid máu  
 D. Sử dụng một số thuốc như corticoid, thuốc ngừa thai...  
 E. Các nguyên nhân trên đều đúng
29. Chiến lược cầm máu tốt nhất trong điều trị xuất huyết tiêu hóa do vỡ giãn tĩnh mạch thực quản là:  
 A. Octreotide kết hợp chích xơ tĩnh mạch thực quản  
 B. Somatostatin kết hợp chèn sonde Blakemore  
 C. Octreotide kết hợp thắt tĩnh mạch thực quản  
 D. Somatostatine kết hợp chích xơ tĩnh mạch thực quản  
 E. Terlipressin kết hợp thắt tĩnh mạch thực quản  $3\text{cav} = \text{nhum}$



hoạt động  
lở loét  
ngọt

30. Đặc điểm nào sau đây phù hợp với xuất huyết tiêu hóa mức độ nặng ( $< 20\%$ )
- A. Chóng mặt  
B. Mạch 124 lần / phút  $> 80-90$   
C. Huyết áp 85/40 mmHg  
D. Hct 21%  $< 20\%$   
E. Hồng cầu 2,5 triệu / mm<sup>3</sup>  $< 2$  triệu

31. Thời điểm lý tưởng để chỉ định nội soi cấp cứu khi xử trí bệnh nhân xuất huyết tiêu hóa trên nghi do vỡ giãn tĩnh mạch thực quản - dạ dày là:

- A. < 6 giờ sau nhập viện  
B. < 12 giờ sau nhập viện  
C. < 24 giờ sau nhập viện  
D. Càng sớm càng tốt ngay sau khi điều chỉnh được rối loạn đông máu  
E. Càng sớm càng tốt ngay sau khi ổn định được huyết động

32. Mức Hb mục tiêu trong xử trí truyền máu ở một bệnh nhân xuất huyết tiêu hóa cấp có tiền sử bệnh tim thiếu máu cục bộ là:

- A. 6 - 7 g/dl  
B. 7 - 8 g/dl  
C. 8 - 9 g/dl  
D. 9 - 10 g/dl  
E.  $\geq 10$  g/dl

Tình huống lâm sàng dùng cho câu 33 - 37:

Bệnh nhân nam 72 tuổi nhập viện vì chóng mặt và nôn ra máu. Bệnh nhân có uống Diclofenac 3 ngày trước để điều trị đau khớp gối, sau đó đi tiêu phân đen sệt tanh. Xét nghiệm của phòng khám tư nơi gửi bệnh nhân đến ghi nhận: Hb: 7,4 g/dl, Hct: 23,1%, tiểu cầu 60.000/mm<sup>3</sup>. Bệnh nhân có tiền sử thoái hóa khớp gối và chưa lần nào bệnh bị tương tự. Khi nhập cấp cứu, bệnh nhân tỉnh, mạch 112 lần / phút, huyết áp 95/60 mmHg (bệnh nhân chưa truyền dịch ở tuyến trước). Kết quả nội soi cấp cứu ghi nhận hang vị có 1 ổ loét với đáy có chồi mạch. Xét nghiệm urease nhanh dựa trên mẫu mô sinh thiết để chẩn đoán *H. pylori* (+)

33. Đánh giá mức độ xuất huyết tiêu hóa ở bệnh nhân này là:

- A. Độ nhẹ  
B. Độ trung bình  
C. Độ nặng  
D. Chưa đánh giá được vì cần chờ đáp ứng với hồi sức dịch truyền  
E. Chưa đánh giá được vì cần chờ kết quả công thức máu kiểm tra

34. Phân loại Forrest của tổn thương loét hang vị ở bệnh nhân này là:

- A. Ia  
B. Ib  
C. IIa  
D. IIb  
E. IIc

35. Bệnh nhân này được chỉ tăng cường bằng Adrenaline 1/10.000 ở đáy loét và quanh chồi mạch.

Điều trị tiếp theo nên là

- A. Esomeprazole bolus và truyền tĩnh mạch liên tục 8mg / giờ  
B. Esomeprazole tiêm tĩnh mạch chậm 40mg mỗi 12 giờ  
C. Esomeprazole đường uống 40mg, 1 lần / ngày  
D. Rabeprazole đường uống 20mg, 2 lần / ngày  
E. Pantoprazole đường uống 40mg, 1 lần / ngày

36. Quyết định truyền máu nào là thích hợp ở bệnh nhân này ở thời điểm nhận bệnh

- A. Xin hồng cầu lắng truyền ngay  
B. Xin tiểu cầu đậm đặc truyền ngay  
C. Xin máu tươi toàn phần truyền ngay  
D. Chưa cần truyền máu, theo dõi thêm thay đổi huyết động để quyết định  
E. Chưa cần truyền máu, theo dõi thêm động học Hct và Hb để quyết định

37. Bệnh nhân trên được điều trị ổn định với thuốc ức chế bơm proton và tiết trừ *H. pylori*. Phương pháp kiểm tra kết quả tiết trừ *H. pylori* nên được ưu tiên chọn là:

- A. Huyết thanh chẩn đoán  
B. Nội soi tiêu hóa trên làm urease test nhanh  
C. Xét nghiệm hơi thở <sup>13</sup>C  
D. Xét nghiệm hơi thở <sup>14</sup>C  
E. Xét nghiệm tìm kháng nguyên trong phân

38. Triệu chứng nào sau đây là triệu chứng điển hình của bệnh trào ngược dạ dày - thực quản:

- A.Ợ hơi  
B.Ợ nóng  
C. Đau thượng vị  
D. Đầy bụng  
E. Buồn nôn



Thời gian điều trị thuốc ức chế bơm proton đối với các trường hợp bệnh trào ngược dạ dày - thực quản không viêm trên nội soi thường là:

- A. 2 - 4 tuần  
B. 4 - 8 tuần  
C. 8 - 10 tuần  
D. 10 - 12 tuần  
E. 12 - 16 tuần

40. So với người bình thường, túi acid dịch vị sau ăn ở bệnh nhân bị bệnh trào ngược dạ dày thực quản có đặc điểm là:

- A. Dịch toan hơn  
B. Dịch toan hơn, nằm sát cơ hoành hơn  
C. Dịch toan hơn, kích thước túi acid lớn hơn  
D. Nằm sát cơ hoành hơn và kích thước túi acid lớn hơn  
E. Dịch toan hơn, nằm sát cơ hoành hơn và kích thước túi acid lớn hơn

41. Nhóm thuốc nào sau đây được chứng minh là hiệu quả nhất trong điều trị bệnh trào ngược dạ dày thực quản:

- A. Ức chế bơm proton  
B. Kháng thụ thể H<sub>2</sub>  
C. Alginate  
D. Antacid  
E. Rebamipide

42. Cách uống đúng của các thuốc thuộc nhóm ức chế bơm proton với liều tiêu chuẩn là:

- A. Uống khi bụng đói  
B. Uống trước bữa ăn sáng 30 - 60 phút  
C. Uống trước bữa ăn sáng ít nhất 60 phút  
D. Uống ngay sau bữa ăn sáng  
E. Uống sau bữa ăn sáng 30 - 60 phút

43. Bệnh nhân bị bệnh trào ngược dạ dày thực quản, được điều trị bằng thuốc ức chế bơm proton liều chuẩn 2 lần/ngày nhưng vẫn còn triệu chứng ợ nóng. Khả năng pH thực quản còn bất thường khi đo pH thực quản 24 giờ là:

- A. 3%  
B. 7%  
C. 10%  
D. 12%  
E. 15%

44. Dạng biểu hiện thường gặp nhất của bệnh trào ngược dạ dày - thực quản ở Việt Nam là:

- A. Bệnh trào ngược dạ dày thực quản không viêm thực quản  
B. Viêm thực quản trào ngược độ A + B  
C. Viêm thực quản trào ngược độ B  
D. Viêm thực quản trào ngược độ C  
E. Viêm thực quản trào ngược độ D

45. Phát biểu nào sau đây KHÔNG chính xác về triệu chứng ợ nóng:

- A. Là triệu chứng điển hình của tình trạng trào ngược dạ dày - thực quản  
B. Thường không phải là than phiền chính của bệnh nhân bị trào ngược dạ dày - thực quản  
C. Bệnh nhân có cảm giác nóng rát như có lửa ở vùng thượng vị  
D. Dễ xuất hiện bệnh nhân cúi gập người ra trước  
E. Dễ xuất hiện khi bệnh nhân nằm (ngủ) người, còn sau nằm lộn (2h)

46. Trong điều chỉnh lối sống để điều trị bệnh trào ngược dạ dày - thực quản, giảm cân được khuyến cáo ở đối tượng nào sau đây:

- A. Béo phì  
B. Béo phì và thừa cân  
C. Béo phì và tăng cân gần đây  
D. Thừa cân và tăng cân gần đây  
E. Béo phì, thừa cân hoặc tăng cân gần đây

47. Bệnh nhân bị bệnh trào ngược dạ dày thực quản, được điều trị bằng thuốc ức chế bơm proton liều chuẩn 1 lần/ngày nhưng vẫn còn triệu chứng ợ nóng. Khả năng pH thực quản còn bất thường khi đo pH thực quản 24 giờ là:

- A. 10%  
B. 20%  
C. 30%  
D. 40%  
E. 50%

48. Yếu tố bệnh sinh nào được xem là đóng vai trò rất quan trọng trong bệnh sinh bệnh trào ngược dạ dày - thực quản ở bệnh nhân châu Á:

- A. Thoát vị hoành  
B. Thư giãn cơ vòng thực quản dưới thoáng qua  
C. Chậm tổng xuất dạ dày  
D. Tăng áp lực ổ bụng  
E. Giảm khả năng thải trừ dịch vị bị trào ngược

49. Dấu hiệu nào sau đây không gợi ý đến dấu hiệu báo động của bệnh thực thể:

- A. Tiêu phân đàm máu  
B. Sốt, tăng bạch cầu máu  
C. Chán ăn, sụt cân  
D. Khởi phát triệu chứng dưới 6 tháng



- E. Tiền sử gia đình bị ung thư tiêu hóa ✓
50. FODMAP là: Food Ferment
- ☒ A. Các thành phần thức ăn dễ gây dị ứng
- ☒ B. Các thành phần đường không hấp thu, dễ lên men
- ☒ C. Các thành phần mỡ không bão hòa dễ gây rối loạn hấp thu
- D. Các thành phần đạm nguồn gốc từ động vật, dễ gây tăng sinh vi khuẩn ruột
- E. Các thành phần chất xơ không hòa tan dễ gây trướng hơi
51. Thuốc nào sau đây có thể làm tăng triệu chứng trướng bụng trong hội chứng ruột kích thích:
- A. Simethicone
- B. Saccharomyces boulardii
- C. Rifaximin
- ☒ D. Trimebutine
- ☒ E. Loperamide
52. Thuốc nào sau đây có thể làm tăng thêm triệu chứng của hội chứng ruột kích thích thể tiêu chảy:
- A. ~~Diosmectite~~
- B. ~~Loperamide~~
- C. Bacillus clausii
- ☒ D. Prucalopride tức hức ↑ TCs ↓
- ☒ E. ~~Amitriptyline~~ ↓ TCs ↓
53. Thuốc nào sau đây có thể cải thiện triệu chứng (trướng hơi) trong hội chứng ruột kích thích:
- A. Simethicone
- ☒ B. Probiotics
- C. Rifaximin
- ☒ D. A và B đúng
- ☒ E. A, B và C đúng
54. Chế độ ăn uống nào không hợp lý trong điều trị hội chứng ruột kích thích:
- ☒ A. Kiêng tất cả thức ăn dầu mỡ, thịt, trứng, sữa và gia vị
- B. Ăn uống tùy theo sự dung nạp của từng bệnh nhân ✓
- C. Hạn chế các chất đường không hấp thu ✓
- D. Hạn chế cà phê, rượu bia và chất kích thích ✓
- E. Không kiêng ăn quá mức vì dễ gây suy dinh dưỡng ✓
55. Thuốc nào sau đây (không) có hiệu quả làm giảm đau bụng trong hội chứng ruột kích thích:
- A. Trimebutine
- B. Mebeverine
- C. Otilonium bromide
- ☒ D. Itopride prokinetic
- ☒ E. Amitriptyline liều thấp TCAs ↓ đau
56. Thuốc nào sau đây (không) thuộc nhóm giảm co thắt hướng cơ trơn:
- A. Trimebutine
- ☒ B. Hyoscine
- C. Mebeverine ✓
- D. Drotaverine ✓
- E. Alverine ✓
57. Tính chất đau bụng nào sau đây ít nghĩ đến hội chứng ruột kích thích:
- A. Đau bụng thường xảy ra vào buổi sáng sau khi ăn ✓
- B. Đau bụng thường giảm sau khi đi cầu hoặc trung tiện ✓
- ☒ C. Đau bụng gia tăng khi có stress
- ☒ D. Đau bụng về đêm
- E. Đau bụng có liên quan đến thức ăn ✓
58. Bệnh nhân bị hội chứng ruột kích thích, thường xuyên bị stress về tâm lý, thuốc nào sau đây không có hiệu quả:
- A. Sulpiride ✓
- B. Etifoxine ✓
- C. Amitriptyline ✓
- ☒ D. Baclofen TCAs
- ☒ E. Sertraline ✓
59. Bệnh nhân nữ 24 tuổi than đau hạ vị khoảng 6 tháng nay, đau giảm sau khi đi tiêu, đi tiêu phân vàng sệt lỏng không máu 3-4 lần ngày, không đầy bụng, không sụt cân, không đau bụng hoặc đi tiêu ban đêm khi ngủ. Chẩn đoán nào được nghĩ đến nhiều nhất?
- ☒ A. Viêm loét đại tràng
- ☒ B. Hội chứng ruột kích thích
- C. Viêm đại tràng do a-míp
- D. Lao đại tràng
- E. Hội chứng ruột kém hấp thu
60. Bệnh nhân nam 76 tuổi than phiền bị bón. Tình trạng bón cải thiện nhẹ khi thay đổi thói quen đi cầu và ăn nhiều thức ăn chất xơ và uống nhiều nước. Khám thực thể không phát hiện bất thường. Lựa chọn điều trị nào sau đây được chọn? bón
- A. Bisacodyl Al hức
- ☒ B. Lactulose Mg hức chuy
- C. Mg Sulfate
- ☒ D. Sorbitol
- ☒ E. Polyethylene glycol PEG PEG